

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 12 – 2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.
2. Ông Lam Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và yêu cầu chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc H, sinh năm: 2002 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 02, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vi N, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Ngọc H (gọi tắt là chị H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020 chị H và anh Nguyễn Vi N (gọi tắt là anh N) được gia đình hai bên chấp nhận cho kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện. Trong quá trình sống chung chồng và gia đình chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, từ khi sinh con cho đến nay anh N cũng không quan tâm và lo lắng cho chị và con, nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nhau nên chị H đã về nhà cha mẹ ruột sống từ khi mới sinh con cho đến nay. Nay chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị H cho rằng chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Kim C (giới tính: nữ) sinh ngày 01/5/2021, hiện nay cháu Kim C đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị H cho rằng vợ chồng anh chị có một số tài sản chung như sau: Số nữ trang ngày cưới gồm 13,5 chỉ vàng 24k; hiện nay bà Phạm Thị H đang quản lý; 20.000.000 đồng tiền mặt, hiện tại chị H đang quản lý và 01 con heo nái, 06 con heo con được 01 tháng tuổi hiện nay chị H đang nuôi. Ngoài các tài sản này ra thì vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được chia đôi số vàng cưới và số tiền mặt 20.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Còn số heo thì vợ chồng anh chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Vi N (gọi tắt là anh N) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, không có mâu thuẫn gì lớn, từ khi vợ anh sinh con xong thì về nhà cha mẹ vợ sống cho đến nay, hàng ngày anh N vẫn qua thăm vợ con, gia đình anh N cũng nhiều lần qua thăm cháu, anh N vẫn còn tình cảm với chị H nên nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh N không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ lại.

Về con chung: Anh N thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Kim C (giới tính: nữ) sinh ngày 01/5/2021, cháu C đang sống với chị H, nếu Tòa án giải

quyết cho vợ chồng ly hôn, anh N đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh N thống nhất vợ chồng có các tài sản chung gồm: Số vàng cưới là 13,5 chỉ vàng 24k là nữ trang ngày cưới, trước đây mẹ anh là bà Phạm Thị H đang quản lý nhưng hiện nay bà H đã giao lại anh N quản lý; Tiền mặt 20.000.000 đồng chị H đang quản lý và 01 con heo nái và 06 con heo con được 01 tháng tuổi. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh N đồng ý chia đôi 13,5 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng tiền mặt, còn heo nái và heo con thì anh N đồng ý giao cho chị H được sở hữu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H (gọi tắt là bà H) trình bày:

Bà H là mẹ ruột của anh Nguyễn Vi N, bà H thừa nhận bà có quản lý số vàng cưới của vợ chồng Ngọc H và Vi N, tổng số vàng cưới là 13,5 chỉ vàng 24k (loại 9999), số vàng này là do gia đình hai bên cho vợ chồng Ngọc H và Vi N lúc đám cưới. Hiện nay bà H đã giao lại cho con là Vi N toàn bộ số vàng trên nên bà H không có ý kiến gì liên quan đến số vàng này. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được ly hôn với anh N, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định, yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh N đồng ý ly hôn với chị H, đồng ý để chị H nuôi con, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, đồng ý chia đôi tài sản chung theo yêu cầu của chị H.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, chị H và anh N cùng thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Vi N như sau: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Vi N; về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Kim C (giới tính: nữ) sinh ngày 01/5/2021 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, đề nghị công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự về việc cho đôi số tài sản chung là 13,5 chỉ vàng 24k và số tiền mặt 20.000.000 đồng; về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên tham gia phiên tòa vắng mặt và có gửi bài phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Võ Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Vi N. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát vụ án vắng mặt căn cứ theo quy định tại Điều 232 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với Kiểm sát viên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận sự thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị H.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị H, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 2020 chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Vi N được gia đình hai bên chấp nhận cho kết hôn, có tổ chức lễ cưới với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên vào ngày 15/10/2020 nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình sống chung, chị H cho rằng chồng và gia đình chồng không quan tâm chăm sóc chị H, từ khi chị sinh con cho đến nay anh N cũng không quan tâm và lo lắng gì cho vợ và con, từ đó vợ chồng không còn tình cảm yêu

thương lẫn nhau nên chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống và không còn sống chung với anh N từ tháng 5/2021 cho đến nay. Tuy nhiên, anh N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn tình cảm với chị H, từ khi chị sinh con thì hàng ngày anh vẫn thường xuyên đến thăm con nên anh không đồng ý ly hôn với chị H. Tại phiên tòa, chị H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh N, anh N nhận thấy không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Vi N.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim C (giới tính: nữ) sinh ngày 01/5/2021, hiện nay cháu C đang sống chung với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H và anh N cùng thống nhất giao cháu C cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh N, giao cháu Nguyễn Kim C cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Vi N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, anh N đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung của chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Vi N, nên anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Kim C (giới tính: nữ) sinh ngày 01/5/2021 mỗi tháng cấp dưỡng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Kim C tròn 18 tuổi.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị H và anh N cùng thống nhất vợ chồng có các tài sản chung như sau: 13,5 chỉ vàng 24k là nữ trang ngày cưới, hiện nay anh N đang quản lý; 20.000.000 đồng tiền mặt chị H đang quản lý. Tại phiên tòa chị H và anh N cùng thống nhất thỏa thuận chia đôi tài sản chung theo quy định của pháp luật như sau:

Chị H được sở hữu 6,75 chỉ (sáu chỉ bảy phần năm ly) vàng 24k (loại vàng 9999) và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền mặt, anh N được sở hữu 6,75 chỉ (sáu chỉ bảy phần năm ly) vàng 24k (loại vàng 9999) và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền mặt, do anh N đang quản lý toàn bộ số vàng nên anh N có trách nhiệm giao lại cho chị H 6,75 chỉ (sáu chỉ bảy phần năm ly) vàng 24k (loại vàng 9999), chị H đang quản lý số tiền nên chị H có trách nhiệm giao lại cho anh N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

[2.5]. Về nợ chung: Chị H và anh N khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

- Về án phí chia tài sản chung: Do chị H và anh N thoả thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung nên mỗi bên phải chịu 50% án phí giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được sở hữu được tính như sau:

Vàng 24k (loại vàng 9999) tại thời điểm xét xử có giá 5.200.000 đồng/chỉ như vậy 6,75 chỉ vàng 24k là 35.100.000 đồng + 10.000.000 đồng = 45.100.000 đồng.

$45.100.000 \text{ đồng} \times 2,5\% = 1.127.500 \text{ đồng}$. Như vậy, chị H và anh N mỗi người phải nộp án phí chia tài sản chung với số tiền là 1.127.500 đồng (một triệu một trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Vi N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim C (giới tính: nữ) sinh ngày 01/5/2021 cho chị Võ Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu Kim C đang sống chung với chị H.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Vi N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Kim C (giới tính: nữ) sinh ngày 01/5/2021 mỗi tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Kim C tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/12/2021).

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Vi N không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Vi N như sau:

- Chị H được sở hữu 6,75 chỉ (sáu chỉ bảy phần năm ly) vàng 24k (loại vàng 9999) và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Anh Nhân được sở hữu 6,75 chỉ (sáu chỉ bảy phần năm ly) vàng 24k (loại vàng 9999) và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Anh N có trách nhiệm giao lại cho chị H 6,75 chỉ (sáu chỉ bảy phần năm ly) vàng 24k (loại vàng 9999); Chị H có trách nhiệm giao lại cho anh N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Ngọc H phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006027 phiếu lập ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5.2. Án phí chia tài sản chung:

- Chị H phải nộp số tiền án phí là 1.127.500 đồng (một triệu một trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006028 phiếu lập ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Nên chị H phải tiếp tục nộp án phí với số tiền 827.500 đồng (tám trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Anh N phải nộp số tiền án phí là 1.127.500 đồng (một triệu một trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

5.3. Án phí cấp dưỡng: Anh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Xà Phiên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ngoan